

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày 22 - 03 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung và bà Đào Thị Thanh Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2023, tại T5 sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2023/TLST- HS ngày 13 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 03 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Đức D, sinh năm 2000 tại huyện K, tỉnh Ninh B; Nơi cư trú: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Đinh Thị H. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Thành T – sinh năm 2004. Trú tại: Xóm 3, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

2. Anh Phan Văn T1 – sinh năm 2002. Trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

3. Anh Mai Văn T2 – sinh năm 2004. Trú tại: Xóm 7, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị T3 – sinh năm 2000. Trú tại: Xóm 6, xã Tân Thành, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

5. Anh Hà Mạnh T4 - sinh năm 2004. Trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

6. Anh Đỗ Văn Đ1 - sinh năm 1991. Trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

7. Anh Trần Văn B - sinh năm 2004. Trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

8. Anh Vũ Đức T5 - sinh năm 2004. Trú tại: Xóm7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

9. Anh Đinh Đức T6 - sinh năm 2001. Trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Bình D1 - sinh năm 2005. Trú tại: Xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

11. Anh Đinh Trường G - sinh năm 1999. Trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

12. Bà Đinh Thị H – sinh năm 1978. Trú tại: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Xuân L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức D là chủ tiệm cắt tóc tại phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh B. Quá trình làm việc tại quán, một số khách có nhu cầu vay tiền nên D đã cho những người này vay để lấy lãi. Khi cho vay, D yêu cầu những người này viết giấy vay tiền và để lại Căn cước công dân, D tính lãi xuất khoản vay từ 3.000đ/triệu/ngày (tương đương 09%/tháng, 108%/năm) hoặc 5.000 đ/triệu/ngày (tương đương 15%/tháng, 180 %/năm), các mức lãi xuất này cao hơn gấp 05 lần trở lên mức lãi xuất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Khi người vay nhận tiền, D sẽ trừ luôn số tiền lãi tháng đầu tiên vào trong phần tiền gốc của khoản vay. Hàng tháng khi đến ngày trả lãi theo thỏa thuận thì người vay đưa tiền trực tiếp cho D hoặc chuyển tiền vào 02 số tài khoản 0245.494.6101 thuộc Ngân hàng TMCP Tiên Phong và 046770349999 thuộc Ngân hàng TMCP Quân đội mang tên Trần Đức D.

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/3/2022 đến ngày 31/7/2022 D đã cho những người sau vay tiền, cụ thể:

1. Trần Đức D cho Phan Văn T1, sinh năm 2002, trú tại xóm 2, xã K, huyện K vay tiền tổng cộng 04 lần đều với mức lãi suất 3.000đ/triệu/ngày vào các ngày 08/4/2022 số tiền vay 20.000.000đ đã trả được 03 tháng lãi số tiền 5.400.000đ, ngày 13/4/2022 số tiền vay 15.000.000đ đã trả 03 tháng lãi số tiền 4.050.000đ, ngày 22/4/2022 số tiền vay 10.000.000đ đã trả 03 tháng lãi số tiền 2.700.000đ, ngày 22/5/2022 số tiền vay 5.000.000đ đã trả lãi 02 tháng số tiền 900.000đ. Cả 04 khoản vay đều xác định thời hạn trả lãi đến tháng 8/2022. T1 đã trả cho D tổng số tiền lãi là 13.050.000đ trong đó lãi xuất cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.416.667đ, D đã thu lợi bất chính từ số tiền cho T1 vay là 10.633.000đ, ngoài ra số tiền D nhằm thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện ngày 31/7/2022 là 2.197.777đ.

2. Trần Đức D cho Nguyễn Thành T, sinh năm 2004, trú tại xóm 3, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình vay các ngày 11/3/2022, 13/4/2022, 15/4/2022 mỗi lần vay đều 5.000.000đ với mức lãi xuất 3.000đ/1 triệu/ngày và ngày 22/5/2022 vay số tiền 5.000.000đ tính lãi xuất 5000đ/ngày. Các khoản vay ngày 11/3 và 13/4/2022 T đã thanh toán gốc và lãi trong ngay trong tháng. Các khoản vay ngày 15/4 và 22/5/2022 T đã thanh toán lãi đến tháng 8/2022. T đã thanh toán cho D tổng số tiền lãi

4.950.000đ trong đó lãi xuất cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 750.000đ, D đã thu lợi bất chính số tiền cho T vay là 4.200.000đ. T đã thanh toán cho D số tiền gốc 10.000.000đ.

3. Ngày 15/4/2022, D cho Mai Văn T2, sinh năm 2004, trú tại xóm 7, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh B vay số 5.000.000 đ với mức lãi xuất 3.000đ/triệu/ngày thời hạn trả lãi đến tháng 8/2022. T2 đã trả cho D tổng số tiền lãi 1.800.000đ trong đó lãi xuất cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 333.333đ, D đã thu lợi bất chính số tiền cho T2 vay là 1.466.667đ.

4. Ngày 11/4/2022, D cho Đinh Trường G, sinh năm 1999 trú tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh B vay số tiền 20.000.000đ với mức lãi xuất 3000đ/triệu/ngày thời hạn trả lãi đến tháng 8/2022. G đã trả cho D tổng số tiền lãi là 5.400.000đ trong đó lãi xuất cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.000.000đ, D đã thu lợi bất chính số tiền cho G vay là 4.400.000 đ, ngoài ra số tiền D nhằm thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện là 977.778đ.

5. Ngày 12/4/2022, D cho Nguyễn Thị T3, sinh năm 2000, trú tại xóm 6, xã T, huyện K tỉnh Ninh Bình vay số tiền 5.000.000đ với mức lãi xuất 3000 đ/triệu/ngày thời hạn trả lãi hết tháng 7/2022. Đến tháng 7/2022 do T3 trả lãi muộn nên D đã tính mức lãi xuất tăng lên 5000đ/triệu/ngày. Tổng cộng T3 đã trả cho D tổng số tiền lãi là 1.650.000đ trong đó lãi xuất cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 250.000đ, D đã thu lợi bất chính số tiền cho T3 vay là 1.400.000đ.

6. Ngày 13/7/2022, D cho Hà Mạnh T4, sinh năm 2004, trú tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình vay số tiền 10.000.000đ với mức lãi xuất 5.000đ/triệu/ngày trả lãi đến tháng 8/2022. T4 đã trả cho D số tiền lãi của 01 tháng là 1.500.000đ trong đó lãi xuất cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 166.667đ, D đã thu lợi bất chính số tiền cho T4 vay là 1.333.333 đ.

7. Ngày 14/4/2022, D cho Đỗ Văn Đ, sinh năm 1991, trú tại xóm 2, xã K vay tổng số tiền 30.000.000đ với mức lãi xuất 3000đ/ triệu/ ngày thời hạn trả lãi đến tháng 8/2022. Đ đã trả lãi cho D được 02 tháng là 5.400.000đ trong đó lãi xuất cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.000.000đ, D đã thu lợi bất chính số tiền cho Đ vay là 4.400.000 đ, ngoài ra số tiền D nhằm thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện là 3.446.667đ.

8. Ngày 19/4/2022, D cho Trần Văn B, sinh năm 2004, trú tại xóm 2, xã K, huyện K vay số tiền 2.000.000 đ với mức lãi xuất 5.000đ/triệu/ ngày đến tháng 8/2022. Sau đó B đã trả cho D số tiền lãi của 04 tháng là 1.200.000 đ trong đó lãi xuất cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 133.333đ, D đã thu lợi bất chính số tiền cho B vay là 1.066.667 đ.

9. Ngày 24/6/2022, D cho Vũ Đức T5, sinh năm 2004, trú tại xóm 7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình vay số tiền là 5.000.000đ với mức lãi xuất 5.000 đ/triệu/ngày đến tháng 8/2022. Sau đó T5 đã trả cho D tổng số tiền lãi là của 02 tháng là 1.500.000đ trong đó lãi xuất cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 166.667đ, D đã thu lợi bất chính số tiền cho T5 vay là 1.333.333 đ.

10. Ngày 07/6/2022, D cho Đinh Đức T6, sinh năm 2001, trú tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình vay tổng số tiền 20.000.000 đ với mức lãi xuất

3000đ/triệu/ngày thời hạn trả lãi đến tháng 8/2022. T6 đã trả cho D tổng số tiền lãi của 01 tháng là 1.800.000 đ trong đó lãi xuất cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 333.333đ D đã thu lợi bất chính số tiền cho T6 vay là 1.466.667 đ, ngoài ra số tiền D nhằm thu lợi bất chính đến thời điểm bị phát hiện là 1.173.333 đ.

11. Ngày 11/4/2022, D cho Nguyễn Bình D1, sinh năm 2005, trú tại xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình vay tổng số tiền 5.000.000 đ với mức lãi xuất 3.000đ/triệu/ngày trong thời hạn 1 tháng. Sau đó D1 đã trả cho D tổng số tiền 450.000đ trong đó lãi xuất cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 83.333đ, D đã thu lợi bất chính số tiền cho D1 vay là 366.667 đ. D1 đã thanh toán số tiền gốc 5.000.000đ cho D.

Như vậy: Tổng số tiền Trần Đức D đã thu lợi bất chính của 11 người nêu trên là **31.113. 001 đ** và tổng số tiền D nhằm thu lợi bất chính tính đến thời điểm bị Cơ quan công an phát hiện ngày 31/7/2022 của những người nêu trên là **7.795.555đ**.

Ngoài ra: Ngày 11/4/2022, D cho Nguyễn Duy L1, sinh năm 2022, trú tại xóm 5, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình vay tổng số tiền 8.000.000đ với mức lãi xuất 5.000 đ/triệu/ngày. Sau đó L1 đã trả cho D tổng số tiền lãi 1.200.000 đ. Quá trình điều tra chưa làm việc được với L1.

Ngày 19/4/2022, D cho Đỗ Quang M, sinh năm 2004, trú tại xóm 7B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình vay số tiền 5.000.000đ với mức lãi xuất 5000đ/triệu/ngày. Sau đó M đã trả cho D tổng số tiền lãi 1.500.00đ. Quá trình điều tra chưa làm việc được với M.

Ngày 16/4/2022, D còn cho Nguyễn Mạnh T7, sinh năm 1994, trú tại xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh B vay số tiền 20.000.000đ với mức lãi xuất 2.000đ/triệu/ngày. Sau đó T đã trả cho D tổng số tiền lãi là 4.800.000đ.

Khoảng 16 giờ ngày 31/7/2022 tại quán Café thuộc phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình, Trần Đức D đang nhận tổng số tiền lãi 3.400.000đ của Mai Văn T2 và Nguyễn Thành T thì bị Công an huyện K phát hiện, tiến hành lập biên bản sự việc. Ngay tại chỗ đã thu giữ 01 điện thoại Iphone XS Max, màu đen; 01 túi đeo chéo màu đen KT (28 x 24)cm có dây đeo dài 140cm; 01 ví cầm tay màu đen hình chữ nhật KT (20 x 10)cm; 01 thẻ Ngân hàng TMCP Tiên Phong và 01 thẻ Ngân hàng TMCP Quân đội và 01 căn cước công dân đều mang tên Trần Đức D; số tiền 11.200.000đồng (trong đó có số tiền 3.400.000 đồng nêu trên); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS 35K1-465.93.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Đức D thu giữ 16 giấy mượn tiền và 09 căn cước công dân của những người đã vay tiền của D; 01 tờ giấy nhận hiệu Hải Tiến có ghi nợ; 01 sổ hộ khẩu của người vay tiền; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phan Văn T1.

Quá trình điều tra Trần Đức D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình

Cáo trạng số 16/CT – VKS ngày 10 tháng 02 năm 2023 Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh B đã truy tố bị cáo Trần Đức D về tội “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1, khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Đức D phạm tội “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đức D từ 50 triệu đồng đến 60 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 463; 468 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Trần Đức D trả lại số tiền lãi thu lời bất chính là **31.113. 001 đ** đồng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cụ thể như sau:

- + Anh Phan Văn T1 số tiền 10.633.000đ
- + Nguyễn Thành T số tiền 4.200.000đ.
- + Anh Mai Văn T2 số tiền 1.466.667đ.
- + Anh Đinh Trường G số tiền 4.400.000đ.
- + Chị Nguyễn Thị T3 số tiền 1.400.000đ.
- + Anh Hà Mạnh T4 số tiền 1.333.333đ.
- + Anh Đỗ Văn Đ1 số tiền 3.446.667đ
- + Anh Trần Văn B số tiền 1.066.667đ
- + Anh Vũ Đức T5 số tiền 1.333.333đ
- + Anh Đinh Đức T6 số tiền 1.466.667đ.
- + Anh Nguyễn Bình D1 số tiền 366.667đ.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Truy T3 bị cáo Trần Đức D số tiền 21.633.333đ sung ngân sách nhà nước (gồm 15.000.000đ tiền gốc mà bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng mà T và D1 đã trả cho bị cáo và 6.633.333đ là tiền lãi theo quy định của pháp luật bị cáo đã T3 của 11 người vay)

Truy thu để sung ngân sách nhà nước đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền gốc đã vay bị cáo D nhưng chưa thanh toán cụ thể như sau:

- + Anh Phan Văn T1 số tiền 50.000.000đ
- + Anh Nguyễn Thành T số tiền 10.000.000đ
- + Mai Văn T2 số tiền 5.000.000đ.
- + Anh Đinh Trường G số tiền 20.000.000đ.
- + Chị Nguyễn Thị T3 số tiền 5.000.000đ.
- + Anh Hà Mạnh T4 số tiền 10.000.000đ.
- + Anh Đỗ Văn Đ1 số tiền 30.000.000đ.
- + Anh Trần Văn B số tiền 2.000.000đ.
- + Anh Vũ Đức T5 số tiền 5.000.000đ.
- + Anh Đinh Đức T6 số tiền 20.000.000đ.

Tịch T3 ngân sách nhà nước số tiền 3.400.000đ

Trả lại cho bị cáo D số tiền 7.800.000đ; 01 điện thoại di động; 02 thẻ ngân hàng, 01 căn cước công dân mang tên Trần Đức D; 01 ví cầm tay, 01 túi đeo chéo.

Đây là những tài sản và giấy tờ tùy thân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

16 giấy vay mượn tiền mà D dùng để cho người khác vay, 01 tờ giấy ghi nợ tiếp tục quản lý theo hồ sơ vụ án

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T1 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với biên bản sự việc lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 31 tháng 7 năm 2022 tại phố Phú Vinh, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh B, các vật chứng đã thu giữ đồng thời phù hợp với các T1 liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ ngày 11/3/2022 đến ngày 31/7/2022 tại phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình, Trần Đức D đã cho Phan Văn T1, Nguyễn Thành T, Mai Văn T2, Đinh Trường G, Nguyễn Thị T3, Hà Mạnh T4, Đỗ Văn Đ1, Trần Văn B, Vũ Đức T5, Đinh Đức T6, Nguyễn Bình D1 vay tổng số tiền 172.000.000đ với mức lãi suất là 3.000đ/triệu/ngày (tương ứng 108%/năm, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự) và 5.000đ/triệu/ngày (tương đương 15%/tháng, 180 %/ năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất trong Bộ luật dân sự) thu lợi bất chính số tiền lãi là **31.113. 001đ** và số tiền lãi thu lời bất chính tính đến thời điểm bị phát hiện là **7.795.555đ**.

Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hành vi của bị cáo đã phạm tội : Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

[2] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý của nhà nước về việc cho vay trong giao dịch dân sự. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích kiếm tiền và thu lợi bất chính nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Đức D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt và có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên bị cáo không bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Đức D đã chiếm hưởng bất chính từ hoạt động cho vay đối với 11 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án với tổng số tiền là **31.113. 001đ**. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 463; 468 Bộ luật Dân sự bị cáo Trần Đức D phải có trách nhiệm trả lại cho họ cụ thể như sau:

- + Anh Phan Văn T1 số tiền 10.633.000đ
- + Nguyễn Thành T số tiền 4.200.000đ.
- + Anh Mai Văn T2 số tiền 1.466.667đ.
- + Anh Đinh Trường G số tiền 4.400.000đ.
- + Chị Nguyễn Thị T3 số tiền 1.400.000đ.
- + Anh Hà Mạnh T4 số tiền 1.333.333đ.
- + Anh Đỗ Văn Đ1 số tiền 3.446.667đ
- + Anh Trần Văn B số tiền 1.066.667đ
- + Anh Vũ Đức T5 số tiền 1.333.333đ.
- + Anh Đinh Đức T6 số tiền 1.466.667đ.
- + Anh Nguyễn Bình D1 số tiền 366.667đ.

[6] Về áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả xe mô tô BKS 35K1-465.93 cho chị Đinh Thị H, sinh năm 1978 (là mẹ đẻ của D), trả lại cho các chủ sở hữu 08

căn cước công dân, 01 đăng ký xe và 01 sổ hộ khẩu của những người liên quan đến vụ việc vay tiền của D. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra là đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Những vật chứng còn lại của vụ án căn Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý như sau:

- Đối với số tiền gốc 10.000.000đ bị cáo sử dụng và cho anh Nguyễn Thành T vay, anh T đã trả cho bị cáo và tiền gốc 5.000.000đ bị cáo sử dụng cho anh Nguyễn Bình D1 vay, anh D1 đã trả cho bị cáo cùng với số tiền 6.633.333đ đây là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm bị cáo đã thu của 11 người vay. Tổng số tiền là 21.633.333đ là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội và khoản thu lời bất chính từ việc phạm tội nên cần buộc bị cáo Trần Đức D phải nộp lại để sung ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 157.000.000đ tiền gốc của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vay của bị cáo nhưng cho đến thời điểm hiện tại những người này vẫn chưa trả cho bị cáo. Số tiền trên là công cụ, phương tiện phạm tội bị cáo D sử dụng vào việc cho vay. Do vậy nay cần truy thu số tiền trên của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để sung ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

- + Anh Phan Văn T1 số tiền 50.000.000đ
- + Anh Nguyễn Thành T số tiền 10.000.000đ
- + Mai Văn T2 số tiền 5.000.000đ.
- + Anh Đinh Trường G số tiền 20.000.000đ.
- + Chị Nguyễn Thị T3 số tiền 5.000.000đ.
- + Anh Hà Mạnh T4 số tiền 10.000.000đ.
- + Anh Đỗ Văn Đ1 số tiền 30.000.000đ.
- + Anh Trần Văn B số tiền 2.000.000đ.
- + Anh Vũ Đức T5 số tiền 5.000.000đ.
- + Anh Đinh Đức T6 số tiền 20.000.000đ.

- Đối với số tiền 3.400.000đ thu của bị cáo khi bắt quả tang do liên quan đến việc phạm tội nay cần tịch thu ngân sách nhà nước.

- Số tiền 7.800.000đ; 01 điện thoại di động; 02 thẻ ngân hàng, 01 căn cước công dân mang tên Trần Đức D; 01 ví cầm tay, 01 túi đeo chéo. Đây là những T1 sản và giấy tờ tùy thân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo D nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

16 giấy vay mượn tiền mà D dùng để cho người khác vay, 01 tờ giấy ghi nợ tiếp tục quản lý theo hồ sơ vụ án

Quá trình điều tra còn xác định Trần Đức D cho Nguyễn Duy L1 và Đỗ Quang M vay tiền tùy nhiên do L1 và M vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K tách phần T1 liệu của 02 trường hợp trên để xử lý sau.

Ngoài hành vi cho vay nặng lãi trên bị cáo Trần Đức D còn cho Nguyễn Mạnh T7, sinh năm 1994, trú tại xóm 4, xã K vay số tiền 20.000.000đ với lãi xuất 6%/tháng chưa vượt quá 5 lần mức cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, nên chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D về hành vi này.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đức D phạm tội: *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*

Xử phạt bị cáo Trần Đức D 50 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Đức D phải trả lại số tiền **31.113.001đ.** cho 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cụ thể như sau:

- + Anh Phan Văn T1 số tiền 10.633.000đ
- + Nguyễn Thành T số tiền 4.200.000đ.
- + Anh Mai Văn T2 số tiền 1.466.667đ.
- + Anh Đinh Trường G số tiền 4.400.000đ.
- + Chị Nguyễn Thị T3 số tiền 1.400.000đ.
- + Anh Hà Mạnh T4 số tiền 1.333.333đ.
- + Anh Đỗ Văn Đ1 số tiền 3.446.667đ
- + Anh Trần Văn B số tiền 1.066.667đ
- + Anh Vũ Đức T5 số tiền 1.333.333đ.
- + Anh Đinh Đức T6 số tiền 1.466.667đ.
- + Anh Nguyễn Bình D1 số tiền 366.667đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

* Biện pháp tư pháp:

- Truy thu bị cáo Trần Đức D số tiền 21.633.333đ để sung ngân sách nhà nước (gồm 10.000.000đ tiền gốc bị cáo sử dụng và cho anh Nguyễn Thành T vay và 5.000.000đ cho anh Nguyễn Bình D1 vay và khoản tiền lãi 6.633.333đ là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm.)

- Truy thu anh Phan Văn T1 số tiền 50.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

- Truy thu anh Nguyễn Thành T số tiền 10.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

- Truy thu anh Mai Văn T2 số tiền 5.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

- Truy thu anh Đinh Trường G số tiền 20.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

- Truy thu chị Nguyễn Thị T3 số tiền 5.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

- Truy thu anh Hà Mạnh T4 số tiền 10.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

- Truy thu anh Đỗ Văn Đ1 số tiền 30.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

- Truy thu anh Trần Văn B số tiền 2.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

- Truy thu anh Vũ Đức T5 số tiền 5.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

- Truy thu anh Đinh Đức T6 số tiền 20.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch T3 ngân sách nhà nước số tiền 3.400.000đ

- Trả lại cho bị cáo Trần Đức D số tiền 7.800.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max , màu đen; 02 thẻ ngân hàng, 01 căn cước công dân mang tên Trần Đức D; 01 ví cầm tay, 01 túi đeo chéo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tục quản lý theo hồ sơ vụ án 16 giấy vay mượn tiền mà D dùng để cho người khác vay, 01 tờ giấy ghi nợ tiếp .

(Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 02 năm 2023 và giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh B).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Đức D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- TAND tỉnh Ninh B: 01 bản
- VKSND tỉnh Ninh B: 01 bản.
- VKSND huyện K: 02 bản.
- . Cơ quan Điều tra CA huyện K: 01 bản
- Cơ quan THA hình sự CA huyện K : 01 bản.
- Sở tư pháp tỉnh Ninh B: 01 bản.
- Chi cục THA dân sự huyện K: 01 bản
- Bị cáo: 02 bản
- Người có QLNVLQ đến vụ án: 12 bản.
- Lưu hồ sơ: 01 bản.
- Lưu VP: 02 bản.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh